TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ T** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 80/2020/QĐST-HNGĐ	*T, ngày 09 tháng 3 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ các Điều 212, 213 và 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 59/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

- Ông Hồ Minh T, sinh năm 1992; địa chỉ thường trú: Ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang. Tạm trú: Nhà trọ ông T, ấp 2, xã H (nay là phường H), thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1994; địa chỉ thường trú: Ấp L, xã Đ, huyện T, tỉnh Cà Mau. Tạm trú: Nhà trọ T, ấp 2, xã H (nay là phường H), thị xã T, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Hồ Minh T và bà Nguyễn Thị N tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 209/2018 ngày 12/12/2018. Trong quá trình chung sống, ông T và bà N có 01 con chung tên Hồ Nguyễn Minh K, sinh ngày 13/04/2018. Ngày 28/02/2020, ông T và bà N có đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Theo Biên bản thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con và chia tài sản ngày 28/02/2020 của Trung tâm hòa giải, đối thoại Tòa án nhân dân thị xã T, ông T và bà N đã thỏa thuận được các vấn đề theo đơn yêu cầu.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con và chia tài sản chung ngày

28/02/2020 của Trung tâm hòa giải, đối thoại Tòa án nhân dân thị xã T là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con và chia tài sản, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Hồ Minh T và bà Nguyễn Thị N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung tên Hồ Nguyễn Minh K, sinh ngày 13/04/2018 cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Hồ Minh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Hồ Nguyễn Minh K mỗi tháng 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Ông Hồ Minh T và bà Nguyễn Thị N đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định pháp luật. Ông T được quyền đi lại thăm con, không ai được quyền cản trở. Trường hợp ông T lạm dụng quyền thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà N có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom của ông T. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền phải thi hành thì còn phải trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình: Hồ Minh T và bà Nguyễn Thị N phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0037686 ngày 28/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự/.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã T;
- CCTHADS thị xã T;
- UBND xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thị Quỳnh Nga